

Số: 398/TB-BV

Vinh, ngày 24 tháng 3 năm 2020

THÔNG BÁO

Danh sách thí sinh đủ điều kiện thi vòng 02

Kỳ thi tuyển viên chức đợt 01/2020 của Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An

Kính gửi: Các thí sinh tham gia thi tuyển viên chức đợt 01/2020 của Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An

Thực hiện Nghị định số 161/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Kết quả thi vòng 01 Kỳ thi tuyển viên chức đợt 01/2020 công bố tại Thông báo số 397/TB-BV ngày 24/03/2020 của Chủ tịch Hội đồng thi tuyển viên chức đợt 01/2020.

Căn cứ Kết luận hợp của Hội đồng thi tuyển Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An ngày 24/03/2020;

Theo quy định, những thí sinh tham gia thi tuyển vòng 01 trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên từng phần thi (môn kiến thức chung; môn ngoại ngữ) thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 02 (môn chuyên môn, chuyên ngành).

Hội đồng thi tuyển viên chức Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An thông báo tới các thí sinh Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia thi vòng 02 kỳ thi tuyển viên chức đợt 01/2020 của Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An (có danh sách kèm theo).

Thông báo về Số báo danh, phòng thi, sơ đồ phòng thi sẽ được đăng tải tại Website Bệnh viện <http://bvnghean.vn> và Facebook Bệnh viện vào ngày 27/3/2020.

Đề nghị các thí sinh cập nhật thông tin để chuẩn bị cho công tác thi tuyển viên chức được tốt nhất./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTT; HĐTD; BCĐT;
- Sở Y tế, Sở Nội vụ (để B/c);
- Lưu: VT, TCCB.



PGS.TS.Nguyễn Văn Hương

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA THI TUYỂN VÒNG 02
KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC ĐỢT 01/2020 CỦA BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Thông báo số 397/TB-BV ngày 24/03/2020 của Chủ tịch Hội đồng thi tuyển viên chức Bệnh viện HNĐK Nghệ An)

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
1	LÊ ĐỨC	AN	22/6/1995	Bác sĩ hạng III	53/60	24/30	
2	LÊ THỊ HÀ	AN	03/9/1993	Bác sĩ hạng III	47/60	25/30	
3	LÊ THỊ TÚ	ANH	26/12/1995	Bác sĩ hạng III	50/60	24/30	
4	LÊ TRẦN	ANH	27/4/1994	Bác sĩ hạng III	49/60	26/30	
5	LÊ TRUNG	ANH	19/8/1995	Bác sĩ hạng III	46/60	29/30	
6	LƯU TUẤN	ANH	16/12/1993	Bác sĩ hạng III	50/60	27/30	
7	MẠNH TRỌNG	BẰNG	13/11/1993	Bác sĩ hạng III	52/60	30/30	
8	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	17/11/1995	Bác sĩ hạng III	50/60	21/30	
9	PHAN THỊ QUỲNH	CHI	24/12/1994	Bác sĩ hạng III	54/60	24/30	
10	QUẾ MINH	CƯỜNG	22/10/1992	Bác sĩ hạng III	41/60	22/30	
11	NGUYỄN HUY	ĐẠT	20/5/1994	Bác sĩ hạng III	39/60	20/30	
12	XÔNG BÁ	DÌA	19/8/1991	Bác sĩ hạng III	48/60	19/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
13	NGUYỄN VĂN	ĐIỀU	07/9/1993	Bác sĩ hạng III	47/60	19/30	
14	HOÀNG QUANG	ĐỊNH	1/9/1995	Bác sĩ hạng III	47/60	25/30	
15	HỒ SỸ	ĐỨC	25/12/1994	Bác sĩ hạng III	52/60	24/30	
16	NGUYỄN ĐÌNH	ĐỨC	29/6/1995	Bác sĩ hạng III	58/60	29/30	
17	NGUYỄN QUANG	ĐỨC	23/7/1995	Bác sĩ hạng III	53/60	27/30	
18	PHẠM MINH	DŨNG	28/06/1993	Bác sĩ hạng III	51/60	24/30	
19	NGUYỄN THỊ	HÀ	26/09/1994	Bác sĩ hạng III	36/60	28/30	
20	PHẠM THỊ THU	HÀ	22/08/1995	Bác sĩ hạng III	52/60	29/30	
21	NGUYỄN ĐÌNH	HẢI	20/11/1991	Bác sĩ hạng III	54/60	24/30	
22	PHẠM PHÚC	HẢI	05/12/1994	Bác sĩ hạng III	49/60	23/30	
23	NGUYỄN VINH	HIỂN	25/01/1994	Bác sĩ hạng III	40/60	25/30	
24	NGUYỄN QUỐC	HÒA	11/02/1995	Bác sĩ hạng III	48/60	22/30	
25	PHẠM NGỌC	HOÀNG	02/7/1994	Bác sĩ hạng III	43/60	27/30	
26	PHAN TRỌNG	HOÀNG	23/05/1994	Bác sĩ hạng III	42/60	17/30	
27	LÔ THỊ	HUỆ	09/12/1992	Bác sĩ hạng III	44/60	18/30	
28	CAO VĂN	HÙNG	07/09/1994	Bác sĩ hạng III	45/60	19/30	
29	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	27/6/1995	Bác sĩ hạng III	53/60	26/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
30	VÕ THỊ THANH	HƯƠNG	23/6/1994	Bác sĩ hạng III	48/60	29/30	
31	PHẠM THỊ	HƯỜNG	10/09/1995	Bác sĩ hạng III	47/60	26/30	
32	HOÀNG NGỌC	HUY	28/7/1995	Bác sĩ hạng III	38/60	25/30	
33	NGUYỄN QUỐC	HUY	09/8/1993	Bác sĩ hạng III	46/60	25/30	
34	MAI THỊ	HUYỀN	23/12/1995	Bác sĩ hạng III	47/60	21/30	
35	NGUYỄN ĐÌNH	KỶ	10/6/1994	Bác sĩ hạng III	48/60	19/30	
36	NGUYỄN TÙNG	LÂM	30/10/1995	Bác sĩ hạng III	47/60	21/30	
37	TRẦN THỊ	LỆ	15/6/1995	Bác sĩ hạng III	53/60	25/30	
38	HỒ XUÂN	LINH	30/3/1993	Bác sĩ hạng III	56/60	25/30	
39	THÁI THỊ	LINH	06/3/1995	Bác sĩ hạng III	52/60	25/30	
40	LƯƠNG THỊ	LOAN	07/8/1994	Bác sĩ hạng III	49/60	24/30	
41	ĐÀO THANH	LƯU	25/4/1992	Bác sĩ hạng III	43/60	26/30	
42	NGUYỄN NHƯ	MẠNH	12/8/1994	Bác sĩ hạng III	46/60	24/30	
43	LÊ QUANG	NAM	16/10/1993	Bác sĩ hạng III	55/60	23/30	
44	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	20/10/1993	Bác sĩ hạng III	44/60	22/30	
45	NGUYỄN VĂN	NHÂN	04/08/1993	Bác sĩ hạng III	45/60	25/30	
46	TRẦN NGỌC	NHẬT	10/5/1995	Bác sĩ hạng III	44/60	24/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
47	TRẦN VĂN	NHẬT	23/11/1995	Bác sĩ hạng III	43/60	25/30	
48	NGUYỄN THỊ	NHUNG	20/11/1994	Bác sĩ hạng III	51/60	24/30	
49	NGUYỄN THỊ	NHUNG	30/6/1995	Bác sĩ hạng III	45/60	26/30	
50	NGUYỄN VĂN	PHONG	14/9/1995	Bác sĩ hạng III	58/60	29/30	
51	VŨ THỊ	PHƯƠNG	05/8/1994	Bác sĩ hạng III	50/60	22/30	
52	PHẠM VĂN	QUYÊN	18/10/1995	Bác sĩ hạng III	52/60	22/30	
53	VÕ THỊ NHƯ	QUỲNH	02/9/1995	Bác sĩ hạng III	38/60	19/30	
54	LƯU ĐỨC	SƠN	01/7/1995	Bác sĩ hạng III	48/60	19/30	
55	HOÀNG THỊ	THÁI	10/3/1994	Bác sĩ hạng III	50/60	25/30	
56	NGUYỄN VĂN	THÁI	25/04/1993	Bác sĩ hạng III	50/60	23/30	
57	CAO VIỆT	THẮNG	20/5/1992	Bác sĩ hạng III	47/60	26/30	
58	LÊ VĂN	THÀNH	16/10/1994	Bác sĩ hạng III	45/60	16/30	
59	NGÂN THỊ	THÀNH	12/10/1994	Bác sĩ hạng III	41/60	28/30	
60	VÕ QUANG	THÀNH	01/10/1995	Bác sĩ hạng III	48/60	28/30	
61	LÊ THỊ BÍCH	THẢO	04/9/1995	Bác sĩ hạng III	46/60	20/30	
62	NGUYỄN SỸ	THỊNH	24/10/1995	Bác sĩ hạng III	51/60	27/30	
63	LÊ THỊ HỒNG	THÚY	12/11/1995	Bác sĩ hạng III	50/60	29/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
64	NGUYỄN TRẦN	TIẾN	06/5/1995	Bác sĩ hạng III	51/60	29/30	
65	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	15/6/1994	Bác sĩ hạng III	49/60	26/30	
66	NGUYỄN HIỀN	TRANG	06/4/1995	Bác sĩ hạng III	56/60	22/30	
67	NGUYỄN THỊ	TRANG	10/10/1993	Bác sĩ hạng III	56/60	27/30	
68	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	16/07/1995	Bác sĩ hạng III	52/60	29/30	
69	ĐỖ NGỌC	TRỌNG	03/6/1994	Bác sĩ hạng III	48/60	22/30	
70	DƯƠNG CẨM	TÚ	25/12/1994	Bác sĩ hạng III	53/60	27/30	
71	BÙI VĂN	TUẤN	28/06/1995	Bác sĩ hạng III	51/60	25/30	
72	NGUYỄN ĐÌNH	TUẤN	02/11/1995	Bác sĩ hạng III	45/60	27/30	
73	NGUYỄN THANH	TUẤN	18/10/1995	Bác sĩ hạng III	51/60	26/30	
74	PHẠM THỊ THU	UYÊN	26/12/1995	Bác sĩ hạng III	50/60	28/30	
75	PHAN THÀNH	VINH	23/10/1995	Bác sĩ hạng III	53/60	27/30	
76	PHẠM VĂN	VỸ	19/10/1994	Bác sĩ hạng III	44/60	26/30	
77	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	17/02/1992	Bác sĩ hạng III	49/60	27/30	
78	LÊ TUẤN	ANH	30/8/1996	Dược sĩ hạng III	53/60	29/30	
79	LÊ THỊ HƯƠNG	GIANG	25/7/1993	Dược sĩ hạng III	48/60	29/30	
80	DƯƠNG ĐÌNH	QUÝ	30/10/1994	Dược sĩ hạng III	44/60	24/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
81	TĂNG THỊ	THÚY	22/7/1996	Dược sĩ hạng III	56/60	27/30	
82	NGUYỄN BẢO	TRUNG	13/9/1993	Dược sĩ hạng III	37/60	25/30	
83	NGUYỄN THỊ	ANH	10/7/1993	Điều dưỡng hạng III	47/60	23/30	
84	TRẦN THỊ LAN	ANH	20/12/1993	Điều dưỡng hạng III	47/60	21/30	
85	TRẦN TUẤN	ANH	17/10/1993	Điều dưỡng hạng III	44/60	19/30	
86	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	14/7/1995	Điều dưỡng hạng III	49/60	22/30	
87	NGUYỄN VĂN	ĐẠO	11/09/1994	Điều dưỡng hạng III	46/60	19/30	
88	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	07/10/1983	Điều dưỡng hạng III	46/60		Miễn Ngoại Ngữ
89	TRẦN THỊ	DUNG	09/11/1993	Điều dưỡng hạng III	43/60	26/30	
90	MAI THỊ HỒNG	DUYÊN	08/2/1997	Điều dưỡng hạng III	38/60	22/30	
91	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	25/01/1993	Điều dưỡng hạng III	50/60	26/30	
92	PHẠM THỊ HẢI	GIANG	10/8/1994	Điều dưỡng hạng III	48/60	22/30	
93	LÊ THỊ THÁI	HÀ	25/10/1995	Điều dưỡng hạng III	46/60	17/30	
94	NGUYỄN THỊ	HÀ	11/4/1995	Điều dưỡng hạng III	35/60	16/30	
95	NGUYỄN THỊ	HÀ	22/3/1994	Điều dưỡng hạng III	45/60	21/30	
96	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	15/6/1995	Điều dưỡng hạng III	47/60	23/30	
97	NGUYỄN THỊ	HẰNG	17/3/1993	Điều dưỡng hạng III	46/60	16/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
98	NGUYỄN THỊ	HẰNG	15/10/1996	Điều dưỡng hạng III	43/60	25/30	
99	NGUYỄN THỊ	HẰNG	15/9/1990	Điều dưỡng hạng III	41/60	20/30	
100	NGUYỄN THÚY	HẰNG	12/06/1992	Điều dưỡng hạng III	44/60	28/30	
101	ĐOÀN THỊ THU	HIỀN	31/08/1997	Điều dưỡng hạng III	43/60	16/30	
102	NGUYỄN THỊ	HIỀN	20/07/1997	Điều dưỡng hạng III	47/60	22/30	
103	NGUYỄN THỊ BÍCH	HIỀN	07/06/1992	Điều dưỡng hạng III	58/60	23/30	
104	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	02/7/1997	Điều dưỡng hạng III	47/60	28/30	
105	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	14/8/1997	Điều dưỡng hạng III	40/60	17/30	
106	PHẠM THỊ	HIỀN	15/08/1995	Điều dưỡng hạng III	32/60	18/30	
107	NGUYỄN THỊ	HÒA	20/4/1995	Điều dưỡng hạng III	51/60	19/30	
108	NGUYỄN THỊ	HỒNG	29/10/1992	Điều dưỡng hạng III	43/60	20/30	
109	NGUYỄN THỊ	HUẾ	26/9/1996	Điều dưỡng hạng III	45/60	19/30	
110	TĂNG THỊ MINH	HUỆ	18/3/1989	Điều dưỡng hạng III	49/60	17/30	
111	ĐẶNG THỊ LAN	HƯƠNG	26/12/1995	Điều dưỡng hạng III	53/60	25/30	
112	PHAN THỊ	HƯƠNG	10/10/1997	Điều dưỡng hạng III	47/60	21/30	
113	TRẦN THỊ THU	HUYỀN	28/7/1996	Điều dưỡng hạng III	42/60	20/30	
114	TRỊNH THỊ	HUYỀN	16/11/1997	Điều dưỡng hạng III	46/60	18/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
115	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	10/12/1990	Điều dưỡng hạng III	42/60	22/30	
116	NGUYỄN THỊ	KIỀU	18/02/1994	Điều dưỡng hạng III	45/60	17/30	
117	NGUYỄN THỊ	LAM	01/2/1993	Điều dưỡng hạng III	48/60	22/30	
118	BÙI THỊ	LÀNH	26/04/1995	Điều dưỡng hạng III	48/60	27/30	
119	PHẠM QUỲNH	LÊ	05/9/1983	Điều dưỡng hạng III	46/60	21/30	
120	HOÀNG THỊ	LỆ	22/7/1994	Điều dưỡng hạng III	51/60	17/30	
121	ĐINH THỊ	LIỆU	23/6/1993	Điều dưỡng hạng III	50/60	23/30	
122	CHU QUANG	LƯƠNG	08/05/1994	Điều dưỡng hạng III	42/60	23/30	
123	NGUYỄN THỊ MỸ	LY	03/09/1996	Điều dưỡng hạng III	42/60	22/30	
124	BÙI THỊ	MAI	06/12/1988	Điều dưỡng hạng III	40/60	15/30	
125	NGUYỄN THỊ	MAI	04/06/1993	Điều dưỡng hạng III	45/60	17/30	
126	NGUYỄN THỊ HÀ	NA	05/05/1996	Điều dưỡng hạng III	43/60	22/30	
127	NGUYỄN QUANG	NAM	26/10/1993	Điều dưỡng hạng III	42/60	17/30	
128	LÔ THỊ	NGA	14/08/1995	Điều dưỡng hạng III	52/60	23/30	
129	NGÔ THỊ	NGA	17/08/1995	Điều dưỡng hạng III	49/60	20/30	
130	NGUYỄN THỊ	NGA	10/01/1995	Điều dưỡng hạng III	37/60	16/30	
131	TRẦN THỊ	NGHĨA	26/6/1995	Điều dưỡng hạng III	39/60	17/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
132	NGUYỄN THỊ	NHẤT	12/02/1991	Điều dưỡng hạng III	51/60	22/30	
133	NGUYỄN THỊ BÉ	NHI	19/5/1997	Điều dưỡng hạng III	40/60	16/30	
134	NGUYỄN TỔ	NHU	25/12/1995	Điều dưỡng hạng III	45/60	19/30	
135	TRẦN THỊ	NHUNG	11/05/1995	Điều dưỡng hạng III	43/60	18/30	
136	ĐẶNG THỊ	PHUỘNG	22/12/1995	Điều dưỡng hạng III	39/60	23/30	
137	HỒ THỊ	PHUỘNG	11/10/1994	Điều dưỡng hạng III	37/60	26/30	
138	TĂNG THỊ	QUANG	20/8/1997	Điều dưỡng hạng III	41/60	15/30	
139	LÊ NGỌC	QUYÊN	09/5/1996	Điều dưỡng hạng III	40/60	17/30	
140	ĐẬU THỊ	QUỲNH	02/3/1992	Điều dưỡng hạng III	53/60	25/30	
141	NGUYỄN THỊ MAI	SƯƠNG	01/8/1995	Điều dưỡng hạng III	43/60	21/30	
142	ĐẬU THỊ	TÂM	19/5/1994	Điều dưỡng hạng III	36/60	20/30	
143	LỮ THỊ TÌNH	TÂM	17/3/1997	Điều dưỡng hạng III	41/60	16/30	
144	NGUYỄN THỊ HOÀI	THANH	24/06/1996	Điều dưỡng hạng III	53/60	15/30	
145	PHAN THỊ	THẢO	02/10/1995	Điều dưỡng hạng III	45/60	18/30	
146	TRẦN THỊ QUỲNH	THƠ	01/9/1994	Điều dưỡng hạng III	54/60	20/30	
147	PHAN THỊ	THƠM	06/07/1994	Điều dưỡng hạng III	51/60	18/30	
148	VÕ THỊ HOÀI	THU	01/3/1997	Điều dưỡng hạng III	48/60	25/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
149	NGUYỄN CÔNG	THUẬN	11/2/1996	Điều dưỡng hạng III	42/60	21/30	
150	HOÀNG THỊ	TRÀ	08/04/1997	Điều dưỡng hạng III	39/60	21/30	
151	LÊ THỊ	TRÀ	21/12/1997	Điều dưỡng hạng III	43/60	22/30	
152	LÊ THỊ HƯƠNG	TRÀ	04/04/1993	Điều dưỡng hạng III	44/60	23/30	
153	ĐẬU THỊ NGỌC	TRÂM	28/01/1996	Điều dưỡng hạng III	45/60	22/30	
154	PHẠM THỊ	TRÂM	08/10/1994	Điều dưỡng hạng III	39/60	17/30	
155	LÊ THỊ	TRANG	09/6/1994	Điều dưỡng hạng III	47/60	21/30	
156	NGUYỄN THỊ	TRANG	10/07/1994	Điều dưỡng hạng III	44/60	15/30	
157	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	01/7/1995	Điều dưỡng hạng III	44/60	20/30	
158	VÕ THỊ THANH	TÚ	10/10/1997	Điều dưỡng hạng III	38/60	25/30	
159	NGUYỄN THỊ THÚY	VÂN	03/12/1996	Điều dưỡng hạng III	47/60	24/30	
160	TRẦN THỊ	VI	15/7/1997	Điều dưỡng hạng III	41/60	26/30	
161	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	14/12/1997	Điều dưỡng hạng III	42/60	19/30	
162	CHẾ THỊ	YẾN	19/01/1995	Điều dưỡng hạng III	49/60	23/30	
163	NGUYỄN THỊ	YẾN	13/10/1995	Điều dưỡng hạng III	48/60	20/30	
164	NGUYỄN VĂN	BẢO	29/04/1997	Kỹ thuật y hạng III	52/60	24/30	
165	NGUYỄN THỊ	GIANG	01/02/1995	Kỹ thuật y hạng III	41/60	19/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
166	LƯƠNG THỊ THANH	HUYỀN	29/06/1997	Kỹ thuật y hạng III	51/60	24/30	
167	THÁI DUY	KIÊN	19/03/1992	Kỹ thuật y hạng III	50/60	22/30	
168	NGUYỄN TỔNG KHÁNH	LINH	11/2/1997	Kỹ thuật y hạng III	50/60	25/30	
169	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	05/06/1997	Kỹ thuật y hạng III	49/60	24/30	
170	HOÀNG VIỆT	LONG	02/7/1995	Kỹ thuật y hạng III	46/60	24/30	
171	NGUYỄN NGHĨA	LONG	10/02/1992	Kỹ thuật y hạng III	48/60	28/30	
172	HOÀNG THỊ	LÝ	10/11/1997	Kỹ thuật y hạng III	52/60	22/30	
173	PHAN THỊ HỒNG	NHUNG	12/01/1997	Kỹ thuật y hạng III	44/60	24/30	
174	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	08/2/1996	Kỹ thuật y hạng III	46/60	24/30	
175	TRẦN THÚY	QUỲNH	06/2/1997	Kỹ thuật y hạng III	37/60	24/30	
176	TRƯƠNG THỊ THÚY	QUỲNH	30/10/1997	Kỹ thuật y hạng III	46/60	28/30	
177	LÊ THỊ CẨM	THẢO	26/02/1997	Kỹ thuật y hạng III	49/60	18/30	
178	PHAN THỊ	TRANG	15/12/1997	Kỹ thuật y hạng III	51/60	27/30	
179	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	26/9/1997	Kỹ thuật y hạng III	52/60	26/30	
180	CAO TUẤN	ANH	05/8/1993	Viên chức dinh dưỡng hạng III	46/60	21/30	
181	LÊ THỊ HOÀI	AN	25/5/1996	Điều dưỡng hạng IV	35/60	20/30	
182	HOÀNG THỊ NGỌC	ÁNH	20/02/1997	Điều dưỡng hạng IV	47/60	23/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
183	PHAN TUYẾT	ÁNH	08/01/1997	Điều dưỡng hạng IV	46/60	23/30	
184	PHAN LỄ	CẦU	08/10/1986	Điều dưỡng hạng IV	39/60	24/30	
185	LÊ THỊ PHƯƠNG	DUNG	27/01/1997	Điều dưỡng hạng IV	36/60	21/30	
186	PHẠM THỊ THÙY	DUNG	08/4/1997	Điều dưỡng hạng IV	37/60	20/30	
187	VÕ THỊ THÙY	DƯƠNG	01/02/1996	Điều dưỡng hạng IV	33/60	21/30	
188	HOÀNG THỊ	DUYÊN	07/2/1994	Điều dưỡng hạng IV	42/60	22/30	
189	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	22/02/1995	Điều dưỡng hạng IV	47/60	25/30	
190	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	03/2/1994	Điều dưỡng hạng IV	48/60	21/30	
191	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	29/1/1993	Điều dưỡng hạng IV	60/60	25/30	
192	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	22/7/1992	Điều dưỡng hạng IV	38/60	27/30	
193	HỒ THỊ TRÀ	GIANG	01/10/1997	Điều dưỡng hạng IV	38/60	20/30	
194	NGUYỄN THỊ	GIANG	25/5/1993	Điều dưỡng hạng IV	42/60	23/30	
195	CHU THỊ THANH	HÀ	04/9/1994	Điều dưỡng hạng IV	33/60	23/30	
196	NGUYỄN NGỌC	HÀ	15/10/1995	Điều dưỡng hạng IV	37/60	21/30	
197	NGUYỄN THỊ	HÀ	28/11/1995	Điều dưỡng hạng IV	52/60	23/30	
198	PHẠM THỊ THU	HÀ	29/01/1991	Điều dưỡng hạng IV	51/60	24/30	
199	BÙI THỊ	HẰNG	11/2/1995	Điều dưỡng hạng IV	45/60	25/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
200	LÊ THỊ	HĂNG	01/08/1998	Điều dưỡng hạng IV	45/60	23/30	
201	NGUYỄN DIỆU	HĂNG	26/8/1995	Điều dưỡng hạng IV	39/60	21/30	
202	NGUYỄN THẢO	HĂNG	04/10/1994	Điều dưỡng hạng IV	38/60	28/30	
203	NGUYỄN THỊ	HĂNG	09/9/1997	Điều dưỡng hạng IV	42/60	26/30	
204	BÙI THỊ	HẠNH	11/7/1996	Điều dưỡng hạng IV	37/60	19/30	
205	ĐINH THỊ	HẠNH	04/04/1998	Điều dưỡng hạng IV	35/60	23/30	
206	NGUYỄN THỊ	HẠNH	22/10/1997	Điều dưỡng hạng IV	42/60	22/30	
207	NGUYỄN THỊ MAI	HIỀN	07/04/1995	Điều dưỡng hạng IV	31/60	16/30	
208	ĐINH THỊ	HIỀN	25/09/1998	Điều dưỡng hạng IV	36/60	17/30	
209	LÊ THỊ	HIỀN	04/09/1993	Điều dưỡng hạng IV	41/60	17/30	
210	NGUYỄN THỊ	HIỀN	10/12/1992	Điều dưỡng hạng IV	37/60	18/30	
211	TRẦN VÕ	HIỀN	12/3/1989	Điều dưỡng hạng IV	37/60	17/30	
212	VƯƠNG THỊ	HIỀN	27/05/1989	Điều dưỡng hạng IV	42/60	21/30	
213	NGÔ THỊ	HOA	10/02/1995	Điều dưỡng hạng IV	45/60	22/30	
214	NGUYỄN THỊ	HOA	06/8/1990	Điều dưỡng hạng IV	41/60	24/30	
215	TRẦN THỊ	HOA	17/7/1995	Điều dưỡng hạng IV	52/60	27/30	
216	NGUYỄN THỊ THU	HOÀI	24/08/1990	Điều dưỡng hạng IV	45/60	27/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
217	NGUYỄN THỊ	HOAN	19/5/1997	Điều dưỡng hạng IV	39/60	21/30	
218	ĐINH THỊ	HÒE	15/1/1997	Điều dưỡng hạng IV	36/60	27/30	
219	LÊ THỊ	HỒNG	04/01/1994	Điều dưỡng hạng IV	37/60	24/30	
220	LÃNG THỰC	HƯƠNG	20/12/1992	Điều dưỡng hạng IV	44/60	23/30	
221	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	22/05/1995	Điều dưỡng hạng IV	35/60	19/30	
222	PHẠM THỊ THU	HƯƠNG	01/05/1995	Điều dưỡng hạng IV	38/60	24/30	
223	QUẾ THỊ	HƯƠNG	30/6/1994	Điều dưỡng hạng IV	33/60	18/30	
224	TRẦN THỊ	HƯƠNG	05/6/1992	Điều dưỡng hạng IV	40/60	24/30	
225	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	25/3/1995	Điều dưỡng hạng IV	44/60	27/30	
226	KIỀU THỊ THANH	HUYỀN	18/8/1995	Điều dưỡng hạng IV	38/60	21/30	
227	LÊ THỊ	HUYỀN	08/10/1993	Điều dưỡng hạng IV	41/60	23/30	
228	TỔNG THỊ	HUYỀN	05/11/1995	Điều dưỡng hạng IV	39/60	22/30	
229	NGUYỄN THỊ	LAM	09/12/1997	Điều dưỡng hạng IV	43/60	23/30	
230	PHẠM THỊ	LAM	15/9/1995	Điều dưỡng hạng IV	41/60	20/30	
231	ĐẶNG THỊ	LAN	23/2/1996	Điều dưỡng hạng IV	35/60	20/30	
232	NGUYỄN THỊ	LÊ	12/6/1996	Điều dưỡng hạng IV	42/60	23/30	
233	NGUYỄN THỊ	LIÊN	22/9/1997	Điều dưỡng hạng IV	37/60	22/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
234	CHU THỊ THÙY	LINH	18/4/1997	Điều dưỡng hạng IV	37/60	23/30	
235	LÊ THỊ	LINH	07/01/1992	Điều dưỡng hạng IV	40/60	24/30	
236	NGUYỄN HOÀNG YẾN	LINH	19/5/1993	Điều dưỡng hạng IV	48/60	26/30	
237	NGUYỄN THỊ HOÀI	LINH	28/05/1998	Điều dưỡng hạng IV	45/60	28/30	
238	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	01/6/1997	Điều dưỡng hạng IV	32/60	22/30	
239	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	18/8/1990	Điều dưỡng hạng IV	44/60	25/30	
240	TRẦN THỊ MỸ	LINH	15/07/1997	Điều dưỡng hạng IV	42/60	24/30	
241	VÕ THỊ TÚ	LINH	20/8/1995	Điều dưỡng hạng IV	44/60	24/30	
242	NGUYỄN THỊ	LỘC	17/10/1991	Điều dưỡng hạng IV	45/60	26/30	
243	TRẦN CAO VŨ	LONG	22/10/1991	Điều dưỡng hạng IV	43/60	28/30	
244	LÊ THỊ KHÁNH	LY	29/08/1992	Điều dưỡng hạng IV	40/60	26/30	
245	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	24/3/1995	Điều dưỡng hạng IV	41/60	26/30	
246	BÙI THỊ	LÝ	02/12/1994	Điều dưỡng hạng IV	47/60	23/30	
247	NGUYỄN THỊ	LÝ	24/05/1994	Điều dưỡng hạng IV	48/60	24/30	
248	NGUYỄN THỊ	MAI	10/6/1988	Điều dưỡng hạng IV	37/60	20/30	
249	NGUYỄN THỊ	MAI	20/5/1993	Điều dưỡng hạng IV	46/60	20/30	
250	TRẦN THỊ	MINH	21/02/1993	Điều dưỡng hạng IV	36/60	23/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
251	PHAN THỊ HÀ	MY	17/11/1992	Điều dưỡng hạng IV	39/60	26/30	
252	NGUYỄN THỊ	MỸ	18/10/1995	Điều dưỡng hạng IV	49/60	26/30	
253	TRƯƠNG THỊ	MỸ	24/09/1996	Điều dưỡng hạng IV	51/60	24/30	
254	NGUYỄN LÊ	NA	18/5/1997	Điều dưỡng hạng IV	34/60	24/30	
255	ĐOÀN THỊ	NAM	20/10/1997	Điều dưỡng hạng IV	38/60	24/30	
256	HOÀNG THỊ	NĂM	02/02/1994	Điều dưỡng hạng IV	45/60	20/30	
257	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	04/02/1994	Điều dưỡng hạng IV	42/60	23/30	
258	ĐẬU VĂN	NGÂN	10/7/1992	Điều dưỡng hạng IV	42/60	24/30	
259	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	06/11/1997	Điều dưỡng hạng IV	41/60	24/30	
260	PHAN THỊ	NHO	25/12/1991	Điều dưỡng hạng IV	46/60	22/30	
261	CUNG THỊ	NHUNG	20/2/1997	Điều dưỡng hạng IV	37/60	23/30	
262	ĐINH THỊ HỒNG	NHUNG	12/12/1994	Điều dưỡng hạng IV	42/60	26/30	
263	NGUYỄN THỊ	NHUNG	20/9/1994	Điều dưỡng hạng IV	34/60	24/30	
264	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	26/03/1998	Điều dưỡng hạng IV	34/60	22/30	
265	NGUYỄN THỊ	OANH	28/1/1991	Điều dưỡng hạng IV	41/60	24/30	
266	NGUYỄN THỊ	OANH	20/7/1994	Điều dưỡng hạng IV	42/60	24/30	
267	LÊ THỊ	PHƯƠNG	19/10/1997	Điều dưỡng hạng IV	42/60	21/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
268	LÊ THỊ HOÀI	PHƯƠNG	06/4/1994	Điều dưỡng hạng IV	42/60	26/30	
269	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	28/6/1996	Điều dưỡng hạng IV	40/60	22/30	
270	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	08/7/1989	Điều dưỡng hạng IV	36/60	20/30	
271	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	12/10/1994	Điều dưỡng hạng IV	49/60	21/30	
272	NGUYỄN THỊ ÁNH	PHƯƠNG	17/03/1997	Điều dưỡng hạng IV	45/60	23/30	
273	CAO THỊ	SƯƠNG	20/08/1994	Điều dưỡng hạng IV	50/60	19/30	
274	TRẦN VĂN	TÀI	27/3/1997	Điều dưỡng hạng IV	48/60	18/30	
275	LÊ THỊ	TÂM	12/4/1993	Điều dưỡng hạng IV	55/60	29/30	
276	LƯƠNG THỊ	TÂM	24/8/1994	Điều dưỡng hạng IV	42/60	27/30	
277	NGUYỄN THỊ	THẢO	29/11/1993	Điều dưỡng hạng IV	41/60	16/30	
278	TRẦN THỊ	THÊM	05/12/1991	Điều dưỡng hạng IV	41/60	25/30	
279	NGUYỄN THỊ	THIỆN	20/5/1994	Điều dưỡng hạng IV	51/60	24/30	
280	NGUYỄN QUANG	THỊNH	17/07/1996	Điều dưỡng hạng IV	38/60	20/30	
281	CAO THỊ THIÊN	THƠ	12/10/1992	Điều dưỡng hạng IV	43/60	22/30	
282	PHẠM THỊ	THOA	10/9/1991	Điều dưỡng hạng IV	45/60	25/30	
283	VÕ THỊ	THOA	10/8/1990	Điều dưỡng hạng IV	47/60	26/30	
284	ĐẶNG THỊ	THƯ	22/6/1996	Điều dưỡng hạng IV	46/60	27/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
285	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	25/9/1990	Điều dưỡng hạng IV	39/60	23/30	
286	TRẦN THỊ	THƯƠNG	09/12/1995	Điều dưỡng hạng IV	51/60	21/30	
287	CAO ĐỨC	THƯỜNG	02/4/1994	Điều dưỡng hạng IV	42/60	20/30	
288	CAO THỊ HỒNG	THÚY	27/06/1996	Điều dưỡng hạng IV	40/60	20/30	
289	LÊ THỊ CHUNG	THỦY	29/4/1995	Điều dưỡng hạng IV	45/60	24/30	
290	NGUYỄN THỊ	THỦY	25/05/1993	Điều dưỡng hạng IV	37/60	23/30	
291	BÙI THỊ QUỲNH	TRANG	13/11/1994	Điều dưỡng hạng IV	46/60	28/30	
292	HOÀNG THỊ	TRANG	17/4/1993	Điều dưỡng hạng IV	40/60	25/30	
293	HOÀNG THỊ QUỲNH	TRANG	20/9/1993	Điều dưỡng hạng IV	39/60	25/30	
294	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	11/08/1996	Điều dưỡng hạng IV	40/60	23/30	
295	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	19/06/1995	Điều dưỡng hạng IV	45/60	26/30	
296	HOÀNG HỮU	TRỌNG	27/9/1995	Điều dưỡng hạng IV	33/60	19/30	
297	NGUYỄN ĐĂNG SƠN	TÙNG	04/02/1998	Điều dưỡng hạng IV	32/60	19/30	
298	NGUYỄN THỊ	TUYẾN	11/10/1991	Điều dưỡng hạng IV	41/60	22/30	
299	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	18/9/1997	Điều dưỡng hạng IV	43/60	27/30	
300	TRƯƠNG THỊ	UYÊN	08/1/1997	Điều dưỡng hạng IV	48/60	27/30	
301	ĐẶNG KHÁNH	VÂN	06/2/1993	Điều dưỡng hạng IV	38/60	26/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
302	VÕ THỊ	VÂN	17/11/1991	Điều dưỡng hạng IV	32/60	25/30	
303	BÙI THỊ	YẾN	10/6/1993	Điều dưỡng hạng IV	42/60	26/30	
304	BÙI THỊ	YẾN	30/10/1987	Điều dưỡng hạng IV	36/60	15/30	
305	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	10/4/1995	Điều dưỡng hạng IV	43/60	28/30	
306	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	23/9/1993	Điều dưỡng hạng IV	52/60	26/30	
307	TRẦN THỊ	YẾN	16/7/1996	Điều dưỡng hạng IV	34/60	16/30	
308	PHẠM THỊ NGỌC	ÁNH	09/01/1997	Hộ sinh hạng IV	36/60	21/30	
309	CAO THỊ	CÔNG	04/6/1995	Hộ sinh hạng IV	36/60	25/30	
310	ĐẶNG THỊ	DUNG	26/11/1991	Hộ sinh hạng IV	49/60	20/30	
311	NGUYỄN THỊ	GIANG	17/6/1994	Hộ sinh hạng IV	46/60	26/30	
312	TRẦN THỊ THANH	GIANG	08/7/1997	Hộ sinh hạng IV	41/60	23/30	
313	CAO THỊ ĐỨC	HẠNH	11/05/1997	Hộ sinh hạng IV	43/60	29/30	
314	BÙI THỊ	HÒA	23/3/1997	Hộ sinh hạng IV	38/60	29/30	
315	BÙI THỊ	HƯƠNG	12/8/1995	Hộ sinh hạng IV	43/60	27/30	
316	HOÀNG THỊ	MINH	10/4/1992	Hộ sinh hạng IV	41/60	27/30	
317	NGUYỄN THỊ	NHUNG	07/01/1996	Hộ sinh hạng IV	42/60	21/30	
318	PHAN THỊ	OANH	03/8/1990	Hộ sinh hạng IV	39/60	23/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
319	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	10/5/1993	Hộ sinh hạng IV	40/60	23/30	
320	TRẦN THỊ	SANG	18/10/1987	Hộ sinh hạng IV	52/60	26/30	
321	NGUYỄN THỊ HOÀI	THANH	06/02/1990	Hộ sinh hạng IV	38/60	15/30	
322	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	12/11/1994	Hộ sinh hạng IV	37/60	17/30	
323	PHÙNG THỊ	THÊM	06/12/1994	Hộ sinh hạng IV	34/60	26/30	
324	NGUYỄN THỊ	THU	10/12/1993	Hộ sinh hạng IV	42/60	24/30	
325	NGUYỄN THỊ	TRANG	05/4/1995	Hộ sinh hạng IV	42/60	20/30	
326	HOÀNG THỊ HẢI	YẾN	08/4/1997	Hộ sinh hạng IV	45/60	26/30	
327	NGUYỄN THỊ	YẾN	15/5/1991	Hộ sinh hạng IV	41/60	23/30	
328	CAO VĂN	ÂN	09/9/1992	Kỹ thuật y hạng IV	41/60	21/30	
329	HOÀNG THÁI	ANH	14/3/1995	Kỹ thuật y hạng IV	45/60	29/30	
330	TRẦN THỊ	CHÍN	24/6/1993	Kỹ thuật y hạng IV	48/60	25/30	
331	PHẠM THANH	ĐỨC	02/7/1998	Kỹ thuật y hạng IV	37/60	25/30	
332	BIỆN VĂN	GIÁP	18/04/1994	Kỹ thuật y hạng IV	35/60	23/30	
333	ĐÀO VIỆT	HÀ	07/12/1996	Kỹ thuật y hạng IV	41/60	25/30	
334	NGUYỄN THỊ DIỆU	HOA	22/4/1992	Kỹ thuật y hạng IV	49/60	28/30	
335	NGUYỄN VĂN	HÙNG	11/5/1995	Kỹ thuật y hạng IV	45/60	26/30	

STT	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
					Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
336	NGUYỄN QUANG	HUY	20/10/1998	Kỹ thuật y hạng IV	41/60	22/30	
337	NGUYỄN THỊ	KIM	01/2/1996	Kỹ thuật y hạng IV	48/60	21/30	
338	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LAM	26/5/1991	Kỹ thuật y hạng IV	40/60	25/30	
339	THÁI THÙY	LINH	03/9/1993	Kỹ thuật y hạng IV	46/60	21/30	
340	PHẠM THỊ	LÝ	12/11/1994	Kỹ thuật y hạng IV	51/60	24/30	
341	SÂM THÁI	NGÂN	16/2/1996	Kỹ thuật y hạng IV	42/60	22/30	
342	LÊ TRUNG	NGHĨA	26/01/1992	Kỹ thuật y hạng IV	33/60	19/30	
343	NGUYỄN THỊ TRANG	NHUNG	26/04/1991	Kỹ thuật y hạng IV	45/60	21/30	
344	LÊ HOÀNG	PHONG	29/6/1992	Kỹ thuật y hạng IV	50/60	24/30	
345	LÊ HỒNG	QUÂN	08/9/1995	Kỹ thuật y hạng IV	39/60	24/30	
346	TRẦN CAO	THÔNG	07/5/1997	Kỹ thuật y hạng IV	33/60	18/30	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



PGS.TS. Nguyễn Văn Hương